TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Y** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2022/HS-ST
Ngày 16- 08- 2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH SƠN LA

-T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Thái Văn Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Thọ và bà Vì Thị Vinh.

- Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Văn Dũng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh S La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên toà: Bà Tường Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh S La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 43/202/TLST-HS ngày 04 tháng 7 năm 2022; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/QĐXXST- HS ngày 04 tháng 8 năm 2022 đối với bị cáo:

Lò Văn T; tên gọi khác: Cuội; sinh ngày 04/12/1996, tại huyện Y, tỉnh S La; nơi cư trú: Bản L, xã C, huyện Y, tỉnh S La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa (Học vấn): Lớp 3/12; dân tộc: Thái; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; đảng phái, đoàn thể: Không; con ông Lò Văn X bà Hoàng Thị P; vợ: Hoàng Thị T; con: có 2 con, lớn nhất sinh năm 2016, nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại bản án số 28/2014/HSST ngày 08/4/2014 của TAND huyện Y xử phạt bị cáo 07 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; tại bản án số 65/2014/HSST ngày 26/8/2014 của TAND huyện Y xử phạt bị cáo 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 15/10/2014 bị cáo Lò Văn T đã chấp hành xong. Tính đến thời điểm phạm tội ngày 03/4/2022 đã được xóa án tích. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 18/4/2022 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại*: 1. Quàng Văn T; sinh năm 1963; nơi cư trú: Bản L, xã C, huyện Y, tỉnh S La. Có mặt.

2. Quàng Văn T; sinh năm 1999; nơi cư trú: Bản L, xã C, huyện Y, tỉnh S La. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* 1. Quàng Văn S; sinh năm 1996; nơi cư trú: Bản M, xã C, huyện M, tỉnh S La. Vắng mặt

2. Lò Thị H; sinh năm 1991; nơi cư trú: Bản M, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 19 giờ ngày 12/3/2022, bị cáo Lò Văn T sau khi uống rượu tại nhà người quen tại Bản L, xã C, huyện Y, tỉnh S La xong, khi đang trên đường đi bộ về qua nhà Quàng Văn T ở cùng bản, bị cáo T thấy cổng không đóng, bên trong có 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave, màu S đỏ - trắng, biển kiểm soát: 26B1- 059.60 đang dựng tại gầm sàn, chìa khoá vẫn cắm tại ổ khoá xe. Quan sát xung quanh không có người, T nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe máy để bán lấy tiền tiêu xài. Sau đó T đi vào gầm sàn nhà T lén lút dắt chiếc xe máy đi ra bờ suối H thuộc địa phận Bản L, xã C và dùng tay giật gãy biển số xe rồi vứt xuống suối H. Sau đó T điều khiển xe máy đến khu vực bản T, xã Cthì T gặp Hà Văn Đ, Sinh năm: 1999, trú tại: Bản L, xã C, huyện Y, S La đi từ nhà ông Lò Văn Nhọt ra, gặp Đạt, T đã mượn điện thoại của Đạt để liên hệ với Quàng Văn S, sinh năm: 1996, trú tại: Bản M, xã C huyện M, tỉnh Sơn La để hỏi bán chiếc xe máy, S đồng ý và hẹn T gặp nhau tại khu vực ngã ba Tượng Đài thuộc địa phận xã C, sau đó T đã rủ Đ cùng đi đến khu vực đã hẹn gặp S và bán chiếc xe máy với số tiền 1.200.000 đồng, chiếc xe này Quàng Văn S mua hộ Lò Thị H người cùng bản với S. Bán xe xong T và Đ cùng nhau bắt xe khách về trung tâm xã C rồi ai về nhà người đó, toàn bộ số tiền bán được xe máy T tiêu dùng, sinh hoạt cá nhân hết.

Vụ thứ hai: Khoảng 23 giờ ngày 03/4/2022, bị cáo Lò Văn T sau khi uống rượu ở nhà người quen tại bản T, xã C, huyện Y, tỉnh S La xong, khi đang trên đường đi bộ về nhà đến khu vực nhà kho của anh Quàng Văn T ở Bản L, xã C, huyện Y, tỉnh Sơn La, T thấy nhà kho của anh T không đóng cửa, bên trong có để 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave, màu S đỏ - đen - bạc, biển kiểm soát số 26N1- 041.45. Quan sát xung quanh không có người. T nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe máy để bán lấy tiền tiêu xài, T đi vào trong kho lén lút dắt chiếc xe máy đi ra đầu cầu C1, thuộc Bản L, xã C, huyện Y, tỉnh S La dùng tay giật bung mặt nạ phía đầu xe ra để đấu dây điện cho xe nổ máy. Sau khi nổ được máy, T điều khiển đi đến khu vực chân đèo Crồi đi vào hướng bản C, xã C lên đến khu vực đỉnh đồi thì dừng lại, tiếp tục dùng tay giật, bẻ gãy phần chắn bùn phía sau bằng nhựa có gắn biển kiểm soát, sau đó dùng hai tay giật mạnh yên xe để mở cốp xe lấy toàn bộ giấy tờ trong cốp để đồ và 01 chiếc mũ bảo hiểm treo trên xe vứt vào bụi cỏ gần đó. Lò Văn T tiếp tục điều khiển xe máy vừa trộm cắp được đi vào khu vực đỉnh đồi thuộc Bản L, xã C cách đập nước H khoảng 02km thì dừng xe lại, dùng đá đập vỡ phần vỏ nhựa của xe máy vứt vào trong nương mía gần đó, sau đó điều khiển xe máy về nhà bố mẹ đẻ ở Bản L, xã C cất giấu xe dưới gầm sàn, dùng bạt che đậy lại và đi bộ về nhà riêng ở cùng bản L ngủ.

Ngày 04/4/2022, Lò Văn X, sinh năm 1961, trú tại Bản L, xã C, huyện Y, tỉnh S La giao nộp 01 chiếc xe máy có đặc điểm: nhãn hiệu Honda Wave đã qua sử

dụng, xe không có vỏ nhựa và yếm xe, không có phần đuôi xe và biển kiểm soát, phần mặt đồng hồ bị dập vỡ, xe không có chìa khóa. Do Lò Văn X thấy chiếc xe máy không phải là tài sản của gia đình, không biết của ai để ở gầm sàn của gia đình nên giao nộp cho Công an xã C.

Ngày 10/4/2022, Hoàng Văn H, sinh năm 1980, trú tại bản Chai, xã C, huyện Y, tỉnh S La đã giao nộp: 01đuôi, khung kim loại có gắn biển kiểm soát số 26N1-041.45; 01túi nhựa trong suốt bên trong có:01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 003003 mang tên Hà Thị M, biển số đăng ký 26N1 - 041.45; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện mô tô, xe máy mang tên Hà Thị M; 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Thị Y; 01 mũ bảo hiểm màu trắng, loại mũ đội nửa đầu, hai bên mũ có dòng chữ Cyber of life, mũ đã qua sử dụng. Những đồ vật trên, H nhặt được khi đi làm nương, cho rằng của ai làm rơi nên giao nộp cho công an xã C.

Ngày 14/4/2022, Lò Thị H, sinh năm 1991, trú tại bản Mt, xã C, huyện M, tỉnh S La đã giao nộp 01 chiếc xe máy loại xe Wave nhãn hiệu HONDA màu trắng- đỏ-đen, không có gương chiếu hậu, không có biển kiểm soát, xe cũ đã qua sử dụng. Khi biết chiếc xe là tài sản trộm cắp, H đã giao nộp cho Công an huyện Y.

Tại bản kết luận định giá số: 08/KLĐG ngày 15/4/2022 của Hội đồng định giá trong tố tụng huyện Y kết luận:Tại thời điểm bị chiếm đoạt ngày 03/4/2022, chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave, màu S đỏ, đen, bạc có giá trị là 13.000.000 đồng; 01 bộ nhựa xe máy, loại xe Honda Wave và 01 đuôi chắn bùn sau xe máy bị cáo phá dỡ có giá trị là có giá trị là 1.000.000 đồng; 01 chiếc mũ bảo hiểm loại mũ nửa đầu có giá trị 100.000 đồng; tại thời điểm bị chiếm đoạt ngày 12/3/2022, chiếc xe mãy nhãn hiệu Honda Wave, màu S trắng - đỏ - đen có giá trị là 8.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản Lò Văn T chiếm đoạt là 21.100.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số: 33/2021/CT- VKSYC ngày 04/7/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh S La đã truy tố bị cáo Lò Văn T về tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa công khai bị cáo Lò Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã khai nhận tại cơ quan điều tra. Tại phiên tòa không phát sinh tình tiết mới.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên thực hành quyền công tố đề nghị áp dụng Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt Lò Văn T từ 24 tháng đến 30 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị áp dụng các Điều 584, 585, 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự; Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015. Ghi nhận các bị hại là anh Quàng Văn T, Quàng Văn T đã được cơ quan điều tra trả lại tài sản bị bị cáo chiếm đoạt. Các bị hại không yêu cầu đề nghị gì thêm; ghi nhận anh Quàng Văn S và chị Lò Thị H không yêu cầu bị cáo phải bồi hoàn số tiền mua bán xe máy và không có yêu cầu đề nghị gì khác.

Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, gia đình thuộc hộ nghèo. Đề nghị miễn án phí cho bị cáo.

Bị cáo nhất trí với quan điểm luận tội của Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, không có ý kiến gì tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Bị hại Quàng Văn T trình bày: Anh T đã được cơ quan điều tra trả lại chiếc xe máy biển kiểm soát 26B1- 059.60 và một số giấy tờ xe, hiện nay còn mất giấy đăng ký xe máy, anh T đã liên hệ với cơ quan Công an đang làm thủ tục cấp lại giấy đăng ký xe, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì, về hình phạt đề nghị xử phạt bị cáo theo quy định của pháp luật.

Bị hại Quàng Văn T tại biên bản lấy lời khai, trình bày: Anh T đã được cơ quan điều tra trả lại chiếc xe máy biển kiểm soát số 26N1- 041.45 và một số giấy tờ kèm theo xe, xe bị bị cáo làm hư hỏng một số phụ kiện xe, nhưng do bị cáo hoàn cảnh khó khăn, nên anh T không yêu cầu bị cáo phải bồi thường. Ngoài ra không có yêu cầu đề nghị gì thêm

Ý kiến của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Quàng Văn S, Lò Thị H tại biên bản lấy lời khai, trình bày: Ngày 12/3/2022 có mua chiếc xe biển kiểm soát 26B1- 059.60 của bị cáo bán cho với giá 1.200.000 đồng, chiếc xe đã nộp cho cơ quan điều tra, số tiền mua bán không lớn, không yêu cầu bị cáo phải bồi hoàn số tiền mua xe. Ngoài ra không có yêu cầu đề nghị gì khác.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để bị cáo sớm được trở về với gia đình, xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Y, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo , người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.Tại phiên tòa vắng mặt anh Quàng Văn S và chị Lò Thị H là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Xét việc vắng mặt anh S, chị H không ảnh hưởng đến việc xét xử. Tòa án xét xử vắng mặt anh S, chị H theo quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2]Về hành vi phạm tội của bị cáo, có đủ cơ sở khẳng định: Trong các ngày 12/3/2022, ngày 03/4/2022, bị cáo Lò Văn T đã có hành vi lợi dụng sơ hở của chủ sỡ hữu, bị cáo đã hai lần thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác. Cụ thể lần thứ nhất vào khoảng 19 giờ ngày 12/3/2022, bị cáo đi qua nhà Quàng Văn T ở Bản L, xã C, huyện Y, tỉnh S La, thấy cổng không đóng, bên trong

có 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave, màu S đỏ - trắng đang dựng tại gầm sàn, chìa khoá vẫn cắm tại ổ khoá xe. Quan sát xung quanh không có người, bị cáo đã lén lút dắt chiếc xe máy đi ra bờ suối H thuộc địa phận Bản L, xã C và dùng tay giật gãy biển số xe rồi vứt xuống suối Huổi Luông. Sau đó bán chiếc xe lấy tiền tiêu sài cá nhân. Theo kết luận của Hội đồng định giá chiếc xe có giá trị là 8.000.000 đồng.

Lần thứ hai vào khoảng 23 giờ ngày 03/4/2022, bị cáo đi qua nhà kho của anh Quàng Văn T ở Bản L, xã C, huyện Y, tỉnh S La, thấy nhà kho của anh T không đóng cửa, bên trong có để 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave. Quan sát xung quanh không có người, bị cáo lén lút chiếm đoạt chiếc xe máy, trên xe có treo một chiếc mũ bảo hiểm, trong cốp xe có một số giấy tờ xe. Trên đường đi sợ bị phát hiện bị cáo đã giật, bẻ gãy phần chắn bùn phía sau bằng nhựa có gắn biển kiểm soát, lấy toàn bộ giấy tờ trong cốp để đồ và 01 chiếc mũ bảo hiểm treo trên xe và dùng đá đập vỡ phần vỏ nhựa của xe vứt đi, sau đó điều khiển xe máy về nhà bố mẹ đẻ ở Bản L, xã C cất giấu xe. Theo kết luận của Hội đồng định giá tài sản, chiếc xe có giá trị là 13.000.000 đồng; một chiếc mũ bảo hiểm trị giá 100.000 đồng; thiệt hại do bị cáo làm hư hỏng xe là 1.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản cả hai lần bị cáo chiếm đoạt có giá trị là 21.100.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa lời khai nhận tội của bị cáo, phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cũng như các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ, thể hiện bị cáo lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu, lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, động cơ mục đích chiếm đoạt tài sản để tiêu sài cá nhân. Bản thân bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hậu quả của hành vi, song cố ý thực hiện. Trên cơ sở đó đủ điều kiện căn cứ kết luận. Hành vi trên của bị cáo Lò Văn T đã phạm vào tội Trộm cắp tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, như bản cáo trạng truy tố bị cáo của Viện kiểm sát là có căn cứ. Việc xét xử bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại, gây mất an ninh trật tự tại địa pH. Với tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 21.100.000 đồng, bị cáo phải chịu mức hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, có mức hình phạt đến ba năm tù.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong một khoảng thời gian ngắn bị cáo đã hai lần thực hiện hành vi phạm tội Trộm cắp tài sản. Do đó bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự là "Phạm tội 02 lần trở lên".

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra tại phiên tòa bị cáo T khẩn, ăn năn hối cải. Tài sản bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho

các bị hại. Bản thân bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, gia đình thuộc hộ nghèo. Cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Về nhân thân bị cáo, năm 2014 bị cáo đã hai lần bị xét xử cùng về một loại tội Trộm cắp tài sản, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt, đến thời điểm phạm tội mới bị cáo đã được xóa án. Vì vậy mặc dù bị cáo phạm tội thuộc loại tội ít nghiêm trọng, nhưng bị cáo không được áp dụng tình tiết phạm tội lần đầu theo quy định.

Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy trong thời gian ngắn bị cáo đã hai lần thực hiện hành vi phạm tội, nhân thân xấu, nên cần áp dụng một mức án tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của bị cáo. Đồng thời cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian mới đủ điều kiện giáo dục, cải tạo bị cáo trở T người lương thiện, có ích cho xã hội, đáp ứng yêu cầu đấu tranh, phòng chống tội phạm tại địa pH.

[5] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình quy định người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000đồng. Tuy vậy quá trình điều tra và tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo làm nghề trồng trọt, gia đình thuộc hộ nghèo. Nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng: Đối với tài sản là 01chiếc xe máy, nhãn hiệu Honda, loại xe wave, màu S trắng đỏ đen, xe không có gương chiếu hậu, không biển kiểm soát, xe cũ đã qua sử dụng, số khung: RLHJC 4309BY013235, số máy: JC43E – 0884467; 02 Bảo hiểm tự nguyện xe mô tô số: 0038614 và số: 017878883, mang tên Quàng Văn T, số biển kiểm soát: 26B1- 059.60; 01giấy phép lái xe máy mang tên Quàng Văn T và chiếc xe máy, nhãn hiệu Honda, loại xe wave, xe không biển kiểm soát, bộ đèn pha màu đỏ, có số khung: RLHJA 3904HY016384, số máy: JA39E-0016384, xe đã qua sử dụng; 01đuôi, khung có gắn Biển kiểm soát số 26N1 – 041.45; 01 chiếc mũ bảo hiểm , loại mũ nửa đầu trên mũ có dòng chữ "CYBER", đã qua sử dụng; 01 chiếc túi nhựa trong suốt bên trong có các giấy tờ sau: 01 giấy đăng ký xe máy, biển số đăng ký 26N1- 041.45 mang tên Hà Thị M; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện mô tô – xe máy xe BKS: 26N1 – 041.45 mang tên Hà Thị M; 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Thị Y. Quá trình điều tra xác định hai chiếc xe trên là tài sản hợp pháp của các bị hại Quàng Văn T, Quàng Văn T, nên cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là có căn cứ đúng quy định của pháp luật.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi chiếm đoạt được hai chiếc xe máy bị cáo đã tháo dỡ, đập phá làm hư hỏng một số phụ kiện của xe máy và làm mất đăng ký xe máy biển kiểm soát: 26B1- 059.60. Song các bị hại đều có ý kiến thấy bị cáo hoàn cảnh khó khăn, hỏng hóc không lớn, nên đều không yêu cầu bị cáo phải bồi thường. Xét ý kiến của các bị hại và hoàn toàn tự nguyện, cần được ghi nhận.

Đối với số tiền 1.200.000 đồng là tiền bị cáo bán xe cho Quàng Văn S, Lò Thị H. Quàng Văn S và Lò Thị H không yêu cầu bị cáo phải bồi hoàn lại số tiền trên. Xét việc không yêu cầu bị cáo phải bồi hoàn lại số tiền là hoàn toàn tự nguyện cũng cần được ghi nhận.

[8] Về các vấn đề khác: Đối với các hành vi của Quàng Văn S, Lò Thị H là người mua chiếc xe máy của bị cáo Lò Văn T chiếm đoạt được ngày 12/3/2022 và Hà Văn Đạt là người đã cho bị cáo Lò Văn T mượn điện thoại để liên hệ với Quàng Văn S và trực tiếp đi cùng bị cáo để bán chiếc xe máy cho Quàng Văn S. Quá trình điều tra xác minh, xét thấy khi mua bán xe Quàng Văn S, Lò Thị H và Hà Văn Đ không hỏi và cũng không biết chiếc xe máy là do bị cáo Lò Văn T trộm cắp mà có. Vì vậy cơ quan điều tra không đề cập đến vấn đề xử lý đối với Quàng Văn S, Lò Thị H, Hà Văn Đ là có căn cứ.

[9] Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, gia đình thuộc hộ nghèo thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Lò Văn T (tên gọi khác C) phạm tội Trộm cắp tài sản.

1. Xử phạt bị cáo Lò Văn T 24 tháng (Hai mươi tư tháng) tù. Thời gian thụ hình, tính từ ngày 18/4/2022 là ngày bắt tạm giam đối với bị cáo.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; căn cứ các Điều 584, 585, 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự. Ghi nhận bị hại là anh Quàng Văn T đã được cơ quan điều tra trả lại chiếc xe máy biển kiểm soát: 26B1- 059.60 cùng giấy tờ kèm theo và bị hại anh Quàng Văn T đã được cơ quan điều tra trả lại chiếc xe máy biển số đăng ký 26N1- 041.45 cùng giấy tờ kèm theo. Các bị hại Quàng Văn T, Quàng Văn T không yêu cầu đề nghị bị cáo phải bồi thường gì thêm; ghi nhận anh Quàng Văn S và chị Lò Thị H không yêu cầu bị cáo phải bồi hoàn số tiền mua bán xe máy và không có yêu cầu đề nghị gì khác.

3. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Miễn án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Lò Văn T.

Báo cho bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Báo cho bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao gửi bản án theo thủ tục hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh S La;
- Sở tư pháp tỉnh S La;
- VKSND tỉnh S La;
- VKSND huyện Y;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Trại giam;
- Công an huyện Y;
- Bộ phận NVCA huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

Thái Văn Tùng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN TP-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vì Thị Vinh **Vũ Đức Thọ** **Thái Văn Tùng**